

Bản án số: 76/2023/HC-PT

Ngày: 21-02-2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai thuộc
trường hợp bồi thường, hỗ trợ
giải phóng mặt bằng, tái định cư.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 555/2022/TLPT-HC ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 850/2022/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Vũ Quang T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Cùng địa chỉ: 387A Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình: Ông Trương Tấn S - Phó Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình: Ông Nguyễn Tấn T1 – Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận Tân Bình (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1954 (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản đối thoại, người khởi kiện ông Vũ Quang T trình bày:

Ông Vũ Quang T và bà Trịnh Thị N là chủ sở hữu nhà số 103 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD do Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/10/2004.

Ngày 29/01/2008, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND: Về việc thu hồi 34,29m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 14 (BĐĐC 2005) do ông Vũ Quang T là chủ sử dụng tại địa chỉ số 103 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài trên địa bàn quận Tân Bình.

Ngày 24/2/2008, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tiến hành kiểm tra, đo vẽ, kiểm kê tài sản trên đất thu hồi.

Ngày 03/02/2010, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 220/QĐ-UBND: Về việc bồi thường, hỗ trợ tài sản nhà, đất và tài sản khác bị thiệt hại đối với căn nhà số 103 Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình; với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 441.439.848 đồng, theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 37/BT-BTGPMB ngày 02/2/2010 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án.

Ông Vũ Quang T tự tiến hành tháo dỡ phần diện tích đất, công trình bị thu hồi theo Biên bản kết quả đo đạc, kiểm kê tài sản của đoàn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 24/2/2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Nhưng ngày 08/4/2010, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định cưỡng chế số 16/QĐCC-UBND: Áp dụng biện pháp cưỡng chế để thi hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Ngày 17/9/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 18/QĐ-UBND: Bác đơn toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Vũ Quang T về việc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình không giải quyết khiếu nại về yêu cầu bồi thường thu hồi đất.

Ngày 08/4/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 01/QĐ-UBND: Bác đơn toàn bộ nội dung đơn của ông Vũ Quang T khiếu nại Quyết định 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Ông Vũ Quang T tiếp tục khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6513/QĐ-UBND: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Ngày 06/3/2015, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 127/QĐ-UBND: Về việc hỗ trợ thêm đối với căn nhà số 103 Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình là 541.453.572 đồng theo bảng tính hỗ trợ thêm số 872/HĐBT ngày 05/3/2015.

Ngày 29/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 792/QĐ-UBND: V/v bổ sung Điều 2 và sửa đổi Điều 3 Quyết định cưỡng chế số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Nay ông Vũ Quang T yêu cầu Tòa án hủy:

Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010; Quyết định số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Rút yêu cầu khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình,

Lý do:

1. Quyết định trên ban hành trái pháp luật, không đúng với quy hoạch phương án T tránh trong dự án tiền khả thi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại Văn bản số 4557/KTN ngày 12/9/1997: Tại Kết luận Thanh tra số 158/KL-TTCTP ngày 30/01/2011 của Thanh tra Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xác định trong 34,29m² đất bị thu hồi thì chỉ có 3,29m² đất được công nhận trong giấy chứng nhận 0,43m² đất được mua hóa giá nhà năm 1991 nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận 2004 và 30,57m² đất do gia đình ông T tự lấn chiếm là sai, không đúng thực tế, vì: (a) về nguồn gốc và quá trình sử dụng toàn bộ diện tích nhà đất: Ngày 06/10/1987 Trung tâm Toán máy tính Tổng cục kỹ thuật – nay là Viện Công Nghệ Thông Tin có quyết định cấp nhà đất số 203/QĐ-CN cấp nhà 26m² trên diện tích khuôn viên 227,5m² và ông Vũ Quang T sử dụng nhà đất này từ đó đến nay không có tranh chấp. Ngày 28/12/1991 Hội đồng hóa giá nhà Trung tâm Toán máy tính lập hợp đồng số 56/HGN về việc bán hóa giá căn nhà số 103 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình. Do hoàn cảnh lúc bấy giờ kinh tế khó khăn, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên đơn vị không có khả năng tài chính để làm hóa giá hết diện tích 227,5m² đất ở nên để giảm bớt một phần khó khăn cho cán bộ, công nhân viên nên đơn vị đã làm hóa giá 158,4m² (trong tổng số 227,5m²) đã cấp và số diện tích nhà đất còn lại chưa hóa giá thì gia đình tự làm thủ tục giấy tờ sau. Ngày 29/7/2008 Viện Công Nghệ Thông Tin cơ sở phía Nam đã gửi Công văn số 41/CV-CSPN tới Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Ủy ban nhân dân phường 2 quận Tân Bình và Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng về việc xác định tình trạng pháp lý, cấp diện tích nhà ở, đất ở cấp cho cán bộ, công nhân viên của đơn vị trước đây trên đường Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình. Theo đó công văn này viết “Các hộ gia đình được cấp nhà đất từ việc cải tạo các kho hàng tiếp quản từ chế độ cũ. Khi cấp nhà ở, đất ở cho cán bộ quân nhân, công nhân viên quốc phòng theo hiện trạng đến nay vẫn không thay đổi. Năm 1991, chủ trương của đơn vị hóa giá toàn bộ khu A30 – Tân Sơn Nhất. Vì khó khăn kinh tế, nên đã đề nghị hóa giá trước một phần nhà đất đã được cấp, số diện tích nhà đất còn lại của các hộ gia đình tự làm thủ tục giấy tờ...”. Ngày 07/10/2004, Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD cho ông T với diện tích đất là 194,20m², ít hơn so với thực tế vì lúc bấy giờ hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn và đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào năm 1997 mà Ủy ban nhân dân Thành phố họp phổ biến tại khu phố 8 là: Dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài có lộ giới đi vào một phần diện tích ở phía sau nhà ông T (trên sơ đồ sổ hồng có ghi rõ chữ ranh lộ giới trên một phần diện tích ở phía sau nhà). Vì vậy, khi đăng ký cấp giấy chứng nhận, kê khai mốc thời gian sử dụng đất, ông T đã khai 226,67m² nhưng đã phải gạch bỏ và chỉ kê khai 194,20m² là do đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài có lộ giới đi vào một phần diện tích ở phía sau nhà và do hoàn cảnh khó khăn lúc bấy giờ nên một phần đất ở phía trước nhà, ông chưa thể hợp thức được, phải đợi khi có điều kiện kinh tế, sau này sẽ làm tiếp. Ngày 24/4/2009, Viện Công Nghệ Thông Tin lập danh sách xác nhận nguồn gốc nhà đất đã cấp cho sĩ quan, cán bộ, công nhân viên làm nhà ở, đất ở để phục vụ cho việc đền bù giải tỏa Dự án Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài, đã ghi về nhà 103 Bạch Đằng như sau: Tổng diện tích là 228,31m², diện tích cấp trước đây 227,5m², diện tích dôi dư là 0,81m², diện tích dôi dư này đơn vị không thu hồi. Ngày 29/3/2010, Viện Công nghệ thông tin xác nhận căn nhà hóa giá từ 1990 không có gì thay đổi. Ngày 03/12/2009, ông T được ông Đoàn Văn S1 - Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng thông báo rằng: nhà số 103 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân

Bình đã được Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng họp, xét thông qua, bồi thường 100%, mời ông T làm giấy xác nhận của Phường 2 là căn nhà không có tranh chấp, rồi lên ban bồi thường nhận tiền. Ông Vũ Quang T đã làm Tờ trình và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 2 xác nhận ngày 03/12/2009: “căn nhà 103, phần nhà cấp 4, xây dựng năm 1987, phần nhà cấp 2 xây dựng đầu năm 1993, sử dụng ổn định, không có tranh chấp”, nhưng khi lên Ban bồi thường giải phóng mặt bằng nhận tiền thì không cho nhận và vẫn giải quyết như cũ. Tóm lại, Viện Công Nghệ Thông Tin là cơ quan cấp nhà đất, Ủy ban nhân dân Phường 2 Tân Bình và cả Thanh tra Chính phủ là cơ quan giải quyết khiếu nại, tố cáo đã xác nhận, kết luận là ông Vũ Quang T đã quản lý sử dụng ổn định, không tranh chấp từ khi được cấp nhà đất đến nay. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xác định ông Vũ Quang T tự lấn chiếm 34,29m² đất là không có căn cứ. (b) Diện tích đất đo đạc bồi thường còn thiếu 4,61m²: Ngày 24/2/2008, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình có đo đạc, kiểm kê tài sản nhưng thực hiện đo đạc đất đã đo thiếu 4,61m² đất của ông T so với đất thực tế sử dụng.

3. Huỷ Quyết định 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010 và Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình, vì lý do: Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xác định ông Vũ Quang T không chấp hành quyết định thu hồi đất là không đúng, sau khi có kết quả đo đạc cắm mốc đối với phần đất nhà nước thu hồi của đoàn công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ngày 24/2/2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thì ông Vũ Quang T tự nguyện tiến hành tháo dỡ phần diện tích đất, công trình bị thu hồi theo biên bản này để bàn giao đất cho nhà nước làm dự án. Ông Vũ Quang T hoàn toàn ủng hộ chủ trương làm dự án của nhà nước và chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của công dân. Nhưng Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ghi “xét hành vi không chấp hành quyết định thu hồi đất của ông (bà) Vũ Quang T theo Biên bản do Thanh tra xây dựng quận Tân Bình lập ngày 24/3/2010” để ban hành quyết định cưỡng chế số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010 và không tổng đạt quyết định cưỡng chế này đến cho ông T. Đây là việc làm không đúng sự thật, trái quy định pháp luật của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Người bị kiện có Văn bản số 24/UBND-ĐT ngày 07/01/2022 và Văn bản số 693/UBND-ĐT ngày 18/4/2022 ý kiến như sau:

1. Căn cứ pháp lý để thực hiện dự án :

Ngày 19 tháng 7 năm 2005, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3585/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch phương án Tuyến dự án xây dựng đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Ngày 04 tháng 01 năm 2008, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND về thu hồi đất tại các quận Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh và Thủ Đức để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Ngày 14 tháng 7 năm 2009, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định 646/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình.

Ngày 30 tháng 01 năm 2011, Thanh tra Chính phủ ban hành Kết luận Thanh tra số 158/KL-TTCP về việc xác minh làm rõ nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài (Thành phố Hồ Chí Minh), trong đó, Thanh tra Chính phủ đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: “Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài theo hướng giữ nguyên quy hoạch phương án theo Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh”.

Ngày 10 tháng 4 năm 2012, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 133/TB-VPCP thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp xử lý sau thanh tra Dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thực hiện dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài theo hợp đồng BT đã ký, không phải phê duyệt lại dự án.

2. Về thu hồi đất:

Căn cứ vào Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thu hồi đất tại các quận Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh và Thủ Đức để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2008 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Tân Bình.

Về diện tích đất đo đạc: Ngày 24/7/2008 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Phường 2: Kiểm tra nội dung kê khai và kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất nội dung kê khai và kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại thuộc phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án có sự chứng kiến và ông T đã đồng ý ký tại biên bản. Theo đó: Diện tích khuôn viên đo vẽ thực tế: 223,7m². Diện tích đất thu hồi: 34,29m². Căn cứ Mục 1.3, Khoản 1, Phần 2 Thông tư số 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Quy định: “Diện tích đất được bồi thường là diện tích được xác định trên thực địa – thực tế đo đạc diện tích thu hồi của từng người sử dụng đất. Như vậy, diện tích đất của ông T đã được bồi thường, hỗ trợ theo diện tích thực tế sử dụng.

3. Về bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Phiếu xác nhận số 212/XN-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2.

Căn nhà số 103 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình do ông Vũ Quang T và bà Trịnh Thị N là chủ sử dụng có diện tích khuôn viên theo đo đạc thực tế là 223,70 m² nguồn gốc như sau:

Trung tâm Toán máy tính cấp năm 1990 diện tích 185,6 m²; mua hóa giá nhà năm 1991 diện tích khuôn viên nhà bán hóa giá chỉ 158,4 m²; được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 3063/CN-UB ngày 21 tháng 3 năm 1994 diện tích chỉ 158,4 m².

Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD ngày 07 tháng 10 năm 2004, diện tích khuôn viên được công nhận 194,20 m²

Diện tích đất: 194,20 m² được Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD ngày 07 tháng 10 năm 2004, nhưng diện tích được công nhận theo đo đạc thực tế là 193,13 m².

Diện tích chênh lệch giữ đo đạc thực tế và diện tích khuôn viên được công nhận trong giấy chứng nhận là: 223,70 m² – 193,13 m² = 30,57 m² không được công nhận trong giấy chứng nhận, đất do Quân đội quản lý không đưa vào diện tích bán hóa giá nhà, do ông T tự chiếm sử dụng từ năm 1992.

Diện tích đất thu hồi: 34,29 m² gồm có:

- Diện tích đất: 3,29 m² được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2004.
- Diện tích đất: 0,43 m² mua hóa giá nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2004.
- Diện tích đất: 30,57 m² không được công nhận trong giấy chứng nhận, đất do Quân đội quản lý không đưa vào diện tích bán hóa giá nhà, do ông T tự chiếm sử dụng từ năm 1992.

Căn cứ Quyết định 646/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn Phường 2, quận Tân Bình;

Ngày 03/02/2010, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 về việc bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Tân Bình.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 441.439.848 đồng, theo bảng tính giá trị bồi thường hỗ trợ số 37/BT-BTGPMB ngày 02 tháng 02 năm 2010 của hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư của dự án.

Diện tích đất thu hồi: 34,29 m² gồm có:

- Diện tích đất: 3,29 m² được công nhận trong giấy chứng nhận, tính bồi thường 100%.
- Diện tích đất: 0,43 m² mua hóa giá nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận tính bồi thường 100%.
- Diện tích đất: 30,57 m² không được công nhận trong giấy chứng nhận, đất do Quân đội quản lý không đưa vào diện tích bán hóa giá nhà, do ông T tự chiếm sử dụng từ năm 1992, được áp dụng theo khoản 7 điều 7 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 03 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố, được tính hỗ trợ bằng 30 % đơn giá đất ở.

Thực hiện theo Mục 4.6, Phần 4 Kết luận số 158/KL-TTCP ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thanh tra Chính phủ ban hành về xác minh làm rõ nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi

- Vành đai ngoài, trong đó nhận xét, kiến nghị: *Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận Tân Bình xem xét bồi thường, hỗ trợ cho người dân theo quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo sự công bằng.*

Ngày 19 tháng 01 năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố có Công văn số 43/UBND-ĐTMT-M về giải quyết một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài trên địa bàn quận Tân Bình, trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố: *Chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố tại Công văn số 07/HĐTĐBT-TTr-M ngày 06 tháng 01 năm 2015 [tính hỗ trợ bằng bồi thường, đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân quận Tân Bình căn cứ Phương án bồi thường để xác định nghĩa vụ tài chính trước khi thực hiện bồi thường, hỗ trợ theo quy định (quy định về hạn mức đất ở)].*

Do đây là chính sách hỗ trợ bằng bồi thường của Ủy ban nhân dân Thành phố đối với phần diện tích đất không được giao đất, không thuộc phần diện tích khuôn viên đã mua hóa giá, không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tại Điều 1 hạn mức các quận nội thành (trong đó có quận Tân Bình): Không quá 160,00m²/hộ.

Ngày 06 tháng 3 năm 2015, Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND về việc phê duyệt Bảng tính số 872/HĐBT ngày 05 tháng 3 năm 2015 Hội đồng bồi thường của dự án về hỗ trợ thêm đối với căn nhà số 103 đường Bạch Đằng 2, Phường 2, quận Tân Bình, cụ thể:

Diện tích đất: 30,57 m² không được công nhận trong giấy chứng nhận năm 2004, ông T sử dụng từ năm 1992 thuộc phần diện tích đất ngoài hạn mức đất ở 160 m²: 223,70 m² – 193,13 = 30,57 m² (hỗ trợ bằng bồi thường theo đất vượt hạn mức đất ở, trừ tiền sử dụng đất vào thời điểm duyệt phương án bồi thường năm 2009: 32.200.000 đồng – 7.100.000 đồng = 25.100.000 đồng/m²).

- Về yêu cầu bồi thường phần xây dựng do đo đạc thiếu: Ông T cho rằng bồi thường phần xây dựng do đo đạc thiếu tường gạch đỡ ô văng (3,4 x 1 x 0,2 x 0,2) 2 = 0,68m², đà bê tông: 0,25 x 0,3 x 0,9 = 0,675m², ô văng bê tông: 6,7 x 1 = 0,67m², móng tường: (0,3 x 4,25) 2 = 2,73m².

Việc đo đạc đối với phần tường gạch đỡ ô văng đã được tính đầy đủ tại bản vẽ 103/TSN-BL-VĐN ngày 05/10/2007 được kiểm đếm đầy đủ tại Biên bản kiểm đếm được ông Vũ Quang T ký ngày 27/4/2008.

Đối với phần đà bê tông; Ô văng bê tông; Móng tường: Phần diện tích này không tách riêng khi tính bồi thường, phần nhà có kết cấu đã tính bồi thường trong kết cấu tường gạch, mái tôn, trần nhựa, nền gạch, được kiểm đếm đầy đủ tại Biên bản kiểm đếm ngày 27/4/2008.

Việc áp dụng để tính bồi thường theo Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư – phần xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về việc ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất:

Quyết định thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đã được Ủy ban nhân dân quận ban hành và phê duyệt theo quy định, được công khai và có hiệu lực thi hành, mà chủ sử dụng không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không bàn giao đất để thực hiện dự án.

Căn cứ khoản 3 Điều 39 Luật Đất đai năm 2003, quy định: “*Trường hợp người bị thu hồi đất không chấp hành Quyết định thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền Quyết định thu hồi đất ra quyết định cưỡng chế*”.

Ngày 08 tháng 4 năm 2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 16/QĐ-CC về cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Ngày 01/7/2014, Luật Đất đai số 45/2013/QH13 có hiệu lực thi hành (thay thế Luật đất đai năm 2003) thay đổi quy định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Vì vậy ngày 29 tháng 12 năm 2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND bổ sung Điều 2 và sửa đổi Điều 3 Quyết định số 16/QĐ-CC ngày 08 tháng 4 năm 2010 (*sửa đổi giao Ban thực hiện Cưỡng chế chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện*).

Từ căn cứ trên, việc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất là phù hợp quy định.

5. Về Quyết định giải quyết khiếu nại.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2012 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2013 về việc giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T: Là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Văn bản số 1311/UBND-NCPC ngày 29/4/2021 ý kiến như sau:

Kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ của cơ quan chức năng, xác định đến nay không có tình tiết mới có cơ sở pháp luật để xem xét lại nội dung Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2013. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết vụ án hành chính theo hướng không chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của ông Vũ Quang T yêu cầu hủy Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N (do ông Phạm Văn Đ đại diện trình bày: Thống nhất ý kiến với ông Vũ Quang T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 850/2022/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 143, Khoản 1, Khoản 2 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;
- Căn cứ Điều 39, Điều 42, Điều 44, Điều 55, Điều 56 Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Đất Đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện ông Vũ Quang T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010; Quyết định số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2022 người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Đến ngày 08/12/2022, người khởi kiện ông Vũ Quang T có văn bản ý kiến kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông Phạm Văn Đ trình bày: Cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và môi trường vào tham gia tố tụng là có thiếu sót vì đây là các cơ quan ban hành những Quyết định quan trọng trong vụ án. Đồng thời cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ, không đảm bảo tính pháp lý phục vụ cho việc xét xử vụ án và đánh giá chứng cứ không đầy đủ. UBND quận thu hồi đất nhưng không bồi thường và áp giá bồi thường quá thấp và thiếu diện tích 2,97m². Ngoài ra, đến nay chưa có văn bản nào thể hiện phần đất bị thu hồi có nằm trong bất kỳ dự án nào của thành phố hoặc quy hoạch dự án được Chính phủ phê duyệt; phần đất bị thu hồi trái quy định, trường hợp thu hồi đất phải được áp giá bồi thường 100% diện tích 30,57m² theo giá đất thị trường do nằm hoàn toàn trong phần đất ông T đã sử dụng từ năm 1992 và đủ điều kiện được cấp sổ; UBND quận Tân Bình ban hành Quyết định cưỡng chế là không đúng do sau khi nhận được Quyết định thu hồi thì ông T đã tự nguyện tháo dỡ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Quang T và bà Trịnh

Thị N, hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ông Nguyễn Tấn Tài trình bày: Về pháp lý của dự án, toàn bộ văn bản có liên quan đã thể hiện rõ. Về việc thu hồi đất, UBND quận thu hồi dựa trên Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố hiện vẫn đang còn hiệu lực, phần đất thu hồi của ông T được thể hiện trong bản đồ phía người bị kiện đã cung cấp ở sơ thẩm. Về chính sách bồi thường, hỗ trợ diện tích 30,57m² là đất lần chiếm, không nằm trong diện tích cấp sổ, không được hóa giá nên không đủ điều kiện cấp sổ, do đó chỉ hỗ trợ 30%, tuy nhiên đến nay đã tăng mức hỗ trợ lên 100%. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Quang T và bà Trịnh Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thể hiện trong hồ sơ vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Quang T và bà Trịnh Thị N, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N trong hạn luật định và hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về tố tụng:

Phía người khởi kiện cho rằng cấp sơ thẩm không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và môi trường vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Hội đồng xét xử xét thấy, cấp sơ thẩm xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, mặc dù không đưa UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và môi trường vào tham gia tố tụng là có thiếu sót tuy nhiên thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung vụ án và giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, ông Vũ Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010; Quyết định số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010; Quyết định số 127/QĐ-UBND

ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình; Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định:

Căn cứ Điều 39, Điều 42, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 60 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ; Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 (hình thức ghi Chủ tịch tuy nhiên đây là quyết định bồi thường của Ủy ban), Quyết định số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010: Là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013: Là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015: Là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013: Là đúng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Khoản 2 Điều 66, Điều a Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015: Là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3.1] Xét Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008:

Theo Kết luận Thanh tra số 158/KL-TTTP ngày 30/01/2011, Thanh tra Chính phủ ban hành về việc xác minh làm rõ nội dung phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan đến dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài (Thành phố Hồ Chí Minh) đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: “*Cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài theo hướng giữ nguyên quy hoạch phương án T theo Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*”.

Theo Mục 2 Thông báo số 133/TB-VPCP ngày 10/4/2012 của Văn phòng Chính phủ về ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp xử lý sau thanh tra Dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài Thành phố Hồ Chí Minh: “*Việc phê duyệt đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo tiếp tục thực hiện dự án đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi – Vành đai ngoài theo hợp đồng BT đã ký, không phải phê duyệt lại dự án*”.

Theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2008 về thu hồi đất tại các quận Tân Bình, Gò Vấp, Bình Thạnh và Thủ Đức để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị đầu tư xây dựng Tuyến đường Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài.

Căn cứ Khoản 2 Điều 44 Luật Đất đai năm 2003; Ủy ban nhân dân quận Tân Bình ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008: Là đúng quy định pháp luật.

Xét ông Vũ Quang T ý kiến đất bị thu hồi theo Quyết định thu hồi số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008 là sai. Vì theo Văn bản số 1119/GT-GT ngày 07/10/2002 của Sở Giao thông công chánh “Trích yếu giải quyết kiến nghị của nhân dân về các phương án T dự án đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi”; Văn bản số 107/GT-GT ngày 02/02/2004 của Sở Giao thông công chánh “V/v giải quyết kiến nghị của các hộ dân khu vực đường Bạch Đằng về dự án đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi; Văn bản số 2840/TNMT-PC “Về kiến nghị cưỡng chế thu hồi đất đối với 12 hộ dân trong dự án xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài; Văn bản số 292/GT-KH ngày 01/11/2004 của Sở Giao thông công chánh: Thể hiện quy hoạch không đúng. Căn cứ Khoản 2 Khoản 3 Điều 26 Luật Đất đai năm 2003 quy định về Thẩm quyền quyết định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì các văn bản nêu trên của các Sở Giao thông công chánh không phải là cơ sở xác định quy hoạch.

Xét diện tích đất bị thu hồi: Theo Thiết kế cơ sở trong hồ sơ dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình phê duyệt tại Văn bản số 5057/UBND-ĐT ngày 07/8/2007; Tài liệu Bản đồ đo đạc năm 2005; Bản vẽ 103/TSN-BL-VĐN ngày 05/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD ngày 07/10/2004; Phiếu xác nhận số 212A/XN-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2; Biên bản kiểm đếm được ông Vũ Quang T ký ngày 27/4/2008. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình quyết định thu hồi 34,29 m² đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 14 (BĐĐC năm 2005): Là đúng quy định pháp luật.

[2.3.2] Xét Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010:

Theo Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 của Hội đồng bồi thường và tái định cư được phê duyệt tại Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 14/7/2009 và Quyết định đính chính số 677/QĐ-UBND ngày 02/12/2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 55, Khoản 3 Khoản 4 Điều 56 Luật Đất đai năm 2003: Giá đất quy định tại Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 là giá đất bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp Thành phố Hồ Chí Minh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình căn cứ Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010: Là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 đính kèm Bảng chiết tính số 872/HĐBT ngày 05/3/2015 tính hỗ trợ thêm cho ông Vũ Quang T và bà Trịnh Thị N, như vậy Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 bồi thường theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 37/BT-BTGPMB ngày 02/02/2010 chưa phải là số tiền bồi thường cho ông Vũ Quang T khi thu hồi thực hiện dự án.

[2.3.3] Xét Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015:

Về bồi thường đất:

Theo Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008 của Ủy ban nhân dân quận

Tân Bình; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD ngày 07/10/2004; Phiếu xác nhận số 212A/XN-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2.

Theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UB ngày 31/12/2014 áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 tại bảng số 6 giá đất quận Tân Bình đường Bạch Đằng có giá 14.200.000 đồng nên giá bồi thường theo phương án mà Ban bồi thường áp dụng cho ông T là cao hơn giá đất vào thời điểm 2015. Như vậy, quyền lợi của ông T vẫn đảm bảo.

Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 của Hội đồng bồi thường và tái định cư; Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 82/2011/QĐ-UBND ngày 18/12/2011 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy ban nhân dân quận Tân Bình tính bồi thường hỗ trợ về đất theo Bảng chiết tính số 872/HĐBT ngày 05/3/2015: Là đúng quy định pháp luật.

Về bồi thường giá trị nhà bị giải tỏa:

Theo Bản vẽ 103/TSN-BL-VĐN ngày 05/10/2007; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 6786/SXD ngày 07/10/2004; Phiếu xác nhận số 212A/XN-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường 2; Biên bản kiểm đếm ngày 27/4/2008. Căn cứ Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29/4/2009 của Hội đồng bồi thường và tái định cư; Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20/02/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ủy ban nhân dân quận Tân Bình bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình theo Bảng chiết tính số 872/HĐBT ngày 05/3/2015: Là đúng quy định pháp luật.

Xét ông Vũ Quang T yêu cầu áp giá bồi thường về đất theo Văn bản số 673/HĐTĐBT-TTr ngày 04/8/2014 của Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố và Văn bản số 698/TB-VP ngày 08/9/2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố. Hội đồng xét xử xét thấy Kết quả kiểm tra nêu tại Mục 2.1 của Văn bản 6303/UBND-NCPC ngày 04/11/2016 về trả lời một số hộ dân liên quan dự án đầu tư xây dựng đường nối Tân Sơn Nhất - Bình Lợi - Vành đai ngoài thuộc địa bàn Phường 2, quận Tân Bình: *“Như vậy, theo nội dung thông báo số 698/TB-VP ngày 08/9/2015 thì không có việc Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận Tân Bình thực hiện tính đơn giá bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ dân quận Tân Bình như 47 hộ dân ở quận Gò Vấp”*. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Quang T.

Xét ông Vũ Quang T yêu cầu bồi thường thêm diện tích đất 2,97m². Theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014: *“Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”*. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Vũ Quang T.

[2.3.4] Xét Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình và Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 giải quyết về việc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình không giải quyết khiếu nại của ông Vũ Quang T. Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 giải quyết về việc khiếu nại Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010. Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013 là có căn cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010 đã được phê duyệt chi phí hỗ trợ thêm bằng Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015. Như vậy, các quyết định giải quyết khiếu nại trên không còn phát sinh hiệu lực đối với ông Vũ Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N cũng không có cung cấp hay bổ sung thêm tình tiết chứng cứ nào mới để làm cơ sở cho yêu cầu kháng cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N là không có cơ sở để chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Quang T, bà Trịnh Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên ông Vũ Quang T sinh năm 1954, bà Trịnh Thị N sinh năm 1954 là người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Quang T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 850/2022/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện ông Vũ Quang T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 29/01/2008; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 03/02/2010; Quyết định số 16/QĐCC-UBND ngày 08/4/2010; Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 17/9/2012; Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 08/4/2013; Quyết định số 792/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình;

Quyết định số 6513/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện hành vi cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Quang T, bà Trịnh Thị N được miễn nộp tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (4);
- Lưu: HSVA (2), VP (5), 16B (LTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Văn Mười